Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 11/2022/QĐ-TTg	*Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
Về tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về tín dụng đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chính sách tín dụng tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập theo Nghị quyết số 43/2022/QH15 ngày 11 tháng 01 năm 2022 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 43/2022/QH15) và Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 30 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 11/NQ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Khách hàng vay vốn là pháp nhân, cá nhân thuộc đối tượng vay vốn quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Đối tượng và điều kiện vay vốn

1. Đối tượng vay vốn

Cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập gồm: nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập thuộc loại hình dân lập, tư thục (sau đây gọi chung là cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục); nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục (sau đây gọi chung là trường mầm non dân lập, tư thục); trường tiểu học tư thục theo quy định của pháp luật.

2. Đối tượng vay vốn phải đáp ứng các điều kiện vay vốn sau:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Phải dừng hoạt động theo yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19 ít nhất 01 tháng tính đến thời điểm vay vốn.

c) Có Phương án vay vốn để phục hồi, duy trì hoạt động theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này và được Ngân hàng Chính sách xã hội thẩm định.

d) Tại thời điểm đề nghị vay vốn, khách hàng không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát sinh trước thời điểm ngày 23 tháng 01 năm 2020.

Điều 4. Phương thức cho vay

Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho vay trực tiếp đối với khách hàng vay vốn.

Điều 5. Mục đích sử dụng vốn vay

Vốn vay dùng để sửa chữa cơ sở vật chất; mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch COVID-19; mua sắm thiết bị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để phục hồi, duy trì hoạt động.

Điều 6. Mức vốn cho vay

1. Tối đa 80 triệu đồng/cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục.

2. Tối đa 200 triệu đồng/trường mầm non dân lập, tư thục, tiểu học tư thục.

3. Mức cho vay cụ thể đối với mỗi trường hợp do Ngân hàng Chính sách xã hội xác định dựa trên Phương án vay vốn tại điểm c khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

Điều 7. Đồng tiền cho vay, trả nợ

Đồng tiền cho vay và trả nợ bằng đồng Việt Nam.

Điều 8. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay tối đa 36 tháng.

Điều 9. Lãi suất cho vay

1. Lãi suất cho vay 3,3%/năm.

2. Lãi suất nợ quá hạn bằng lãi suất cho vay hộ nghèo tại thời điểm vay vốn.

Điều 10. Bảo đảm tiền vay

1. Khách hàng vay vốn theo quy định tại Quyết định này không phải thực hiện bảo đảm tiền vay đối với mức vay đến 100 triệu đồng.

2. Khách hàng vay vốn theo quy định tại Quyết định này có mức vay từ trên 100 triệu đồng phải thực hiện bảo đảm tiền vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 11. Nguồn vốn cho vay và thời hạn giải ngân nguồn vốn cho vay

1. Nguồn vốn cho vay theo Quyết định này tối đa 1.400 tỷ đồng từ nguồn phát hành trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại Nghị quyết số 11/NQ-CP.

2. Việc sử dụng nguồn vốn thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15, Nghị quyết số 11/NQ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan.

3. Thời gian giải ngân nguồn vốn cho vay không vượt quá thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoặc thời điểm hết nguồn vốn cho vay quy định tại khoản 1 Điều này, tùy theo điều kiện nào đến trước.

Điều 12. Gia hạn nợ, phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro

Thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về gia hạn nợ, phân loại nợ và xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 13. Hồ sơ, trình tự và thủ tục cho vay vốn đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập

1. Hồ sơ đề nghị vay vốn gồm:

a) Phương án vay vốn theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Bản sao các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động: Quyết định cho phép thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Quyết định cho phép hoạt động giáo dục đối với trường mầm non dân lập, tư thục, trường tiểu học tư thục; Giấy tờ, tài liệu chứng minh tư cách đại diện hợp pháp của khách hàng.

c) Giấy ủy quyền (nếu có).

2. Khách hàng vay vốn gửi hồ sơ đến Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập đăng ký thành lập.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc đối với mức cho vay không phải bảo đảm tiền vay và trong thời hạn 10 ngày đối với mức cho vay phải bảo đảm tiền vay kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị vay vốn của khách hàng, Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt cho vay. Trường hợp không cho vay thì thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do đến khách hàng vay vốn.

Điều 14. Báo cáo kết quả cho vay đối với cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập

1. Định kỳ hằng quý, năm và khi kết thúc chương trình, Ngân hàng Chính sách xã hội gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả thực hiện cho vay theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Thời hạn, thời gian chốt số liệu và phương thức gửi báo cáo:

a) Thời hạn gửi báo cáo:

- Báo cáo quý: Chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý;

- Báo cáo năm: Chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc năm;

- Báo cáo kết thúc chương trình: Chậm nhất là 60 ngày kể từ ngày kết thúc chương trình.

b) Thời gian chốt số liệu báo cáo quý, năm: Thời điểm bắt đầu lấy số liệu là ngày đầu tiên của quý, năm báo cáo; thời điểm kết thúc lấy số liệu là ngày cuối cùng của quý, năm báo cáo.

c) Thời gian chốt số liệu báo cáo kết thúc chương trình: Thời điểm bắt đầu lấy số liệu là thời điểm Quyết định này có hiệu lực thi hành; thời điểm kết thúc lấy số liệu là ngày 31 tháng 12 năm 2023 hoặc thời điểm hết nguồn vốn cho vay, tùy theo điều kiện nào đến trước.

d) Phương thức gửi báo cáo thực hiện theo một trong các phương thức sau:

- Gửi trực tiếp dưới hình thức văn bản giấy;

- Gửi qua dịch vụ bưu chính dưới hình thức văn bản giấy;

- Gửi qua hệ thống thư điện tử hoặc hệ thống phần mềm thông tin báo cáo chuyên dùng;

- Các phương thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Khách hàng vay vốn có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích theo quy định tại Quyết định này và trả nợ vay đầy đủ, đúng hạn cho Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội:

a) Hướng dẫn hồ sơ vay vốn, quy trình và thủ tục cho vay đối với các đối tượng vay vốn theo quy định, đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện, công khai, minh bạch.

b) Thực hiện cho vay các chính sách tín dụng đảm bảo đúng đối tượng, đúng mục đích theo quy định tại Quyết định này.

c) Thực hiện việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng vay vốn theo quy định.

d) Định kỳ báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả thực hiện cho vay theo Điều 14 Quyết định này.

đ) Căn cứ tình hình triển khai thực tế, trước khi hết nguồn vốn cho vay tối đa quy định tại khoản 1 Điều 11 Quyết định này 01 tháng, Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử và trụ sở của Ngân hàng Chính sách xã hội về thời điểm dự kiến kết thúc giải ngân nguồn vốn, đồng thời báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo về thời điểm dự kiến kết thúc giải ngân nguồn vốn.

e) Phối hợp với các bộ, ngành, báo cáo cấp có thẩm quyền để kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện cho vay theo quy định tại Quyết định này.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì báo cáo Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung Quyết định này (nếu cần thiết).

4. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện việc xác nhận điều kiện vay vốn quy định tại điểm b khoản 2 Điều 3 Quyết định này.

5. Các cơ quan liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao cùng phối hợp để triển khai thực hiện Quyết định này.

Điều 16. Xử lý vi phạm

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân lợi dụng chính sách quy định tại Quyết định này để trục lợi, vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà phải bồi thường, bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).110

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Lê Minh Khái

Phụ lục

(Kèm theo Quyết định số 11/2022/QĐ-TTg ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ)

Mẫu số 01	Phương án vay vốn
Mẫu số 02	Báo cáo kết quả cho vay cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội……..

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập:……..……
……..…….

Tên tổ chức/cá nhân vay vốn:.....
.....

2. Họ và tên người đại diện:.....
.....

Chức vụ:.....

Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số:.....

Ngày cấp: ..... Nơi cấp:.....

3. Giấy ủy quyền (nếu có) số ..... ngày ……/……/.....của.....

4. Địa chỉ: .....

5. Điện thoại:.....

6. Mã số thuế:.....

7. Quyết định cho phép thành lập số:..... ngày...../...../.....
do.....cấp.

8. Quyết định cho phép hoạt động giáo dục (nếu có) số: …….....
ngày..../...../.....do .....cấp.

9. Tài khoản thanh toán số:……..... tại Ngân hàng ……

10. Vốn tự có/vốn điều lệ/vốn góp: .....

11. Thời gian ngừng hoạt động theo yêu cầu phòng chống dịch COVID-19 từ ngày….tháng…. năm... đến ngày……tháng……năm……..

II. NỘI DUNG VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

1. Nội dung phương án vay vốn:

- Sửa chữa cơ sở vật chất:

+ Sửa chữa: .....

+ Chi phí sửa chữa: .....

- Mua sắm trang thiết bị, vật tư y tế phòng chống dịch COVID-19: .....

+ Chủng loại:.....

+ Số lượng:.....

+ Giá trị:.....

- Mua sắm thiết bị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục:

+ Chủng loại:.....

+ Số lượng:.....

+ Giá trị:.....

- .....

.....

2. Tổng nguồn vốn thực hiện phương án: ..... đồng, trong đó:

- Vốn tự có: ..... đồng.

- Vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội: .....đồng.

- Thời gian thực hiện phương án: từ tháng.... năm... đến tháng.... năm...

- Thời gian dự kiến hoạt động trở lại đối với trường hợp cơ sở giáo dục mầm non, tiểu học ngoài công lập dừng hoạt động:.....

III. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay số tiền: .....đồng.

(Bằng chữ: .....) để dùng vào việc:

STT	Mục đích sử dụng vốn vay	Số lượng	Thành tiền (đồng)

- Thời hạn vay vốn: tháng

- Nguồn tiền trả nợ ngân hàng:

+ Từ khấu hao: ..... đồng;

+ Lợi nhuận và các nguồn khác: ..... đồng;

+ Dự kiến tổng số tiền trả nợ một năm:..... đồng, trong đó:

Trả nợ gốc: .....; trả lãi: .....

IV. CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC/CÁ NHÂN THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực của các thông tin và nội dung nêu trên.

2. Tiếp tục duy trì hoạt động hoặc khôi phục hoạt động sau khi được vay vốn.

3. Sử dụng vốn vay đúng mục đích, trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng Chính sách xã hội đầy đủ, đúng hạn.

4. Tuân thủ các quy định về vay vốn, chịu sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

5. Cam kết lưu giữ đầy đủ hồ sơ, tài liệu, chứng từ chứng minh việc sử dụng vốn vay theo tiến độ thực hiện phương án, cung cấp cho Ngân hàng Chính sách xã hội nơi cho vay và cơ quan chức năng khi được yêu cầu.

6. Dùng các tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của mình để trả nợ Ngân hàng Chính sách xã hội.

...., ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ/ PHƯỜNG/THỊ TRẤN

Xác nhận Cơ sở giáo dục mầm non/tiểu học ..... dừng hoạt động theo yêu cầu phòng, chống dịch COVID-19 từ ngày ... tháng ... năm … đến ngày … tháng ... năm ... tại địa phương.

....., ngày ... tháng ... năm .....
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

BÁO CÁO KẾT QUẢ CHO VAY CƠ SỞ GIÁO DỤC MẦM NON, TIỂU HỌC NGOÀI CÔNG LẬP
Tháng ... năm ...

Đơn vị: triệu đồng, khách hàng, HSSV

TT	Đối tượng thụ hưởng	Doanh số cho vay		Doanh số thu nợ		Doanh số xóa nợ		TỔNG DƯ NỢ	Tổng dư nợ phân theo tính chất nợ			Tổng dư nợ phân theo thời hạn			Số khách hàng còn dư nợ	Lũy kế số lượt khách hàng vay vốn từ đầu năm
		Trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm	Trong kỳ	Lũy kế từ đầu năm		Nợ trong hạn	Nợ quá hạn	Nợ khoanh	Ngắn hạn	Trung hạn	Dài hạn		
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
1	Cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục (gồm: nhóm trẻ độc lập, lớp mẫu giáo độc lập, lớp mầm non độc lập)															
2	Trường mầm non dân lập, tư thục (gồm: nhà trẻ; trường mẫu giáo; trường mầm non dân lập, tư thục)															
3	Trường tiểu học tư thục															
	Tổng cộng															